**PHƯƠNG THỨC MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ**

**Mẫu số 11A (Webform trên Hệ thống)**

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU (1)**

**(Áp dụng hợp đồng trọn gói)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả công việc (2)** | **Đơn vị tính** | **Giá theo các** **hạng mục (3)** |
| 1 | Hạng mục công việc 1 |  |  |
| 2 | Hạng mục công việc 2 |  |  |
| .. |  |  |  |
| Tổng cộng: [*Hệ thống tự tính]* |  |

Ghi chú:

(1) Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành theo thiết kế). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Giá dự thầu là tổng giá trị của các hạng mục ghi trong cột “Mô tả công việc”. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng (nếu có). Nhà thầu phải tính toán các chi phí nêu trên và phân bổ vào trong giá dự thầu.

(2) Nhà thầu có trách nhiệm rà soát lại bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT. Nhà thầu phải tự bổ sung và chào giá cho các hạng mục công việc mà nhà thầu phát hiện chưa bao gồm trong bảng kê hạng mục công việc nhưng cần thiết để hoàn thành công việc theo thiết kế. Trường hợp nhà thầu không bổ sung các hạng mục công việc thiếu so với thiết kế, nhà thầu được coi là đã phân bổ giá của các hạng mục công việc này vào các hạng mục công việc khác của gói thầu. Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành công việc theo thiết kế và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật với giá đã chào. Trường hợp phát hiện bảng kê hạng mục công việc thừa so với thiết kế, nhà thầu loại hạng mục thừa ra khỏi bảng tổng hợp giá dự thầu.

(3) Nhà thầu có trách nhiệm phân bổ chi phí dự phòng (nếu có) vào giá dự thầu. Nhà thầu không được chào riêng chi phí dự phòng. Trường hợp nhà thầu chào riêng chi phí dự phòng thì được coi là chào thừa và sẽ bị hiệu chỉnh sai lệch*.*

(4) Khi thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoàn thành toàn bộ gói thầu theo đúng hồ sơ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật thì tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng đúng giá ghi trong hợp đồng.

**Mẫu số 11B (Webform trên Hệ thống)**

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU**

**(Áp dụng hợp đồng theo đơn giá cố định)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả công việc mời thầu** | **Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính** | **Khối lượng mời thầu** | **Đơn vị tính** | **Đơn giá dự thầu** | **Thành tiền** |
| (Cột 4 x 6) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **I** | **Các hạng mục** |  |  |  |  | **A=A1+A2+…** |
| ***I.1*** | ***Hạng mục 1*** | **A1** |
| *1* | *…* |  |  |  |  |  |
| *2* | *…* |  |  |  |  |  |
| ***I.2*** | ***Hạng mục 2*** | **A2** |
| *1* | *…* |  |  |  |  |  |
| *2* | *…* |  |  |  |  |  |
| *..* | *…* |  |  |  |  | **…** |
| **II** | ***Chi phí dự phòng*** |  |  |  |  |  |
| *1* | *Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh(\*)* |  | b1% |  |  | ***B1 = b1% x A*** |
| *2* | *Chi phí công nhật* |  |  |  |  | ***Y1*** |
| *3* | *Chi phí cho các khoản tạm tính khác* |  |  |  |  | ***Y2*** |
| **Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))** | **A+B1+Y1+Y2** |

*Ghi chú:*

*(6): nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.*

*(7) Hệ thống tự động tính.*

*(\*): được trích xuất từ bảng mời thầu của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.*

**Mẫu số 11C (Webform trên Hệ thống)**

|  |
| --- |
| **BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU****(Áp dụng hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)** |
| **STT** | **Mô tả công việc mời thầu** | **Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính** | **Khối lượng mời thầu** | **Đơn vị tính** | **Đơn giá dự thầu** | **Thành tiền** |
| (Cột 4 x 6) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **I** | **Các hạng mục** |  |  |  |  | **A=A1+A2+…** |
| ***I.1*** | ***Hạng mục 1*** | **A1** |
| *1* | *…* |  |  |  |  |  |
| *2* | *…* |  |  |  |  |  |
| ***I.2*** | ***Hạng mục 2*** | **A2** |
| *1* | *…* |  |  |  |  |  |
| *2* | *…* |  |  |  |  |  |
| *..* | *…* |  |  |  |  | **…** |
| **II** | ***Chi phí dự phòng (\*)*** |  |  |   |  |  |
| *1* | *Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá* |  | *b1%* |  |  | ***B2 = b2% x A*** |
| *2* | *Chi phí công nhật* |  |  |  |  | ***Y1*** |
| *3* | *Chi phí cho các khoản tạm tính khác* |  |  |  |  | ***Y2*** |
| **Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))** | **A+B1+Y1+Y2** |

*Ghi chú:*

*(6) nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục.*

 *(7) Hệ thống tự động tính. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.*

*(\*) được trích xuất từ bảng mời thầu của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.*

**Mẫu số 11D (Webform trên Hệ thống)**

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU**

**(Áp dụng hợp đồng hỗn hợp)**

**I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói(1)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả công việc (2)** | **Đơn vị tính** | **Giá theo các** **hạng mục (3)** |
| 1 | Hạng mục công việc 1 |  |  |
| 2 | Hạng mục công việc 2 |  |  |
| .. |  |  |  |
| Tổng cộng: [*Hệ thống tự tính]* | X1 |

Ghi chú:

(1) Giá dự thầu của các hạng mục này được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong các hạng mục này khác so với các hạng mục ở bảng kê hạng mục công việc (đối với các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói) nêu trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành theo thiết kế). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Giá dự thầu cho các hạng mục này là tổng giá trị của các hạng mục ghi trong cột “Mô tả công việc”. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng (nếu có). Nhà thầu phải tính toán các chi phí nêu trên và phân bổ vào trong giá các hạng mục.

(2) Nhà thầu có trách nhiệm rà soát lại bảng kê hạng mục công việc (đối với các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói) nêu trong E-HSMT. Nhà thầu phải tự bổ sung và chào giá cho các hạng mục công việc mà nhà thầu phát hiện chưa bao gồm trong bảng kê hạng mục công việc (đối với các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói) nhưng cần thiết để hoàn thành công việc theo thiết kế. Trường hợp nhà thầu không bổ sung các hạng mục công việc thiếu so với thiết kế, nhà thầu được coi là đã phân bổ giá của các hạng mục công việc này vào các hạng mục công việc khác của gói thầu. Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành công việc theo thiết kế và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật với giá đã chào. Trường hợp phát hiện bảng kê hạng mục công việc thừa so với thiết kế, nhà thầu loại hạng mục thừa ra khỏi bảng tổng hợp giá dự thầu.

(3) Nhà thầu có trách nhiệm phân bổ chi phí dự phòng (nếu có) vào giá của các hạng mục. Nhà thầu không được chào riêng chi phí dự phòng. Trường hợp nhà thầu chào riêng chi phí dự phòng thì được coi là chào thừa và sẽ bị hiệu chỉnh sai lệch*.*

(4) Khi thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoàn thành toàn bộ các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói theo đúng hồ sơ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật thì tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng đúng giá của các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói ghi trong hợp đồng.

**II. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả công việc mời thầu** | **Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính** | **Khối lượng mời thầu** | **Đơn vị tính** | **Đơn giá dự thầu** | **Thành tiền** |
| (Cột 4 x 6) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **I** | **Các hạng mục** |  |  |  |  | **A=A1+A2+…** |
| ***I.1*** | ***Hạng mục 1*** | **A1** |
| *1* | *…* |  |  |  |  |  |
| *2* | *…* |  |  |  |  |  |
| ***I.2*** | ***Hạng mục 2*** | **A2** |
| *1* | *…* |  |  |  |  |  |
| *2* | *…* |  |  |  |  |  |
| *..* | *…* |  |  |  |  | **…** |
| **II** | ***Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh(\*)*** |  | b1% |  |  | ***B1 = b1% x A*** |
| **Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))** | **X2=A+B1** |

*Ghi chú:*

*(6): nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.*

*(\*): được trích xuất từ bảng mời thầu của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.*

*(7) Hệ thống tự động tính.*

**III. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả công việc mời thầu** | **Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính** | **Khối lượng mời thầu** | **Đơn vị tính** | **Đơn giá dự thầu** | **Thành tiền** |
| (Cột 4 x 6) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **I** | **Các hạng mục** |  |  |  |  | **A=A1+A2+…** |
| ***I.1*** | ***Hạng mục 1*** | **A1** |
| *1* | *…* |  |  |  |  |  |
| *2* | *…* |  |  |  |  |  |
| ***I.2*** | ***Hạng mục 2*** | **A2** |
| *1* | *…* |  |  |  |  |  |
| *2* | *…* |  |  |  |  |  |
| *..* | *…* |  |  |  |  | **…** |
| **II** | ***Chi phí dự phòng (\*)*** |  |  |   |  |  |
| 1 | ***Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá*** |  | b2% |  |  | ***B2 = b2% x A*** |
| **Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))** | **X3=A+B2** |

*Ghi chú:*

*(6) nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục.*

*(\*): được trích xuất từ bảng mời thầu của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.*

*(7) Hệ thống tự động tính. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.*

**IV. Tổng hợp giá dự thầu**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Các hạng mục** | **Thành tiền** |
| I | Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói | X1 |
| II | Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định | X2 |
| III | Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh | X3 |
| IV | Chi phí công nhật | Y1 |
| V | Chi phí cho các khoản tạm tính | Y2 |
|  | Tổng cộng (Trích xuất ra giá dự thầu) | X=X1+X2+X3+Y1+Y2 |

**PHƯƠNG THỨC MỘT GIAI ĐOẠN HAI TÚI HỒ SƠ**

**Mẫu số 11A (Webform trên Hệ thống)**

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU (1)**

**(Áp dụng hợp đồng trọn gói)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả công việc (2)** | **Đơn vị tính** | **Giá theo các** **hạng mục (3)** |
| 1 | Hạng mục công việc 1 |  |  |
| 2 | Hạng mục công việc 2 |  |  |
| .. |  |  |  |
| Tổng cộng: [*Hệ thống tự tính]* |  |

Ghi chú:

(1) Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành theo thiết kế). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Giá dự thầu là tổng giá trị của các hạng mục ghi trong cột “Mô tả công việc”. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng (nếu có). Nhà thầu phải tính toán các chi phí nêu trên và phân bổ vào trong giá dự thầu.

(2) Nhà thầu có trách nhiệm rà soát lại bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT. Nhà thầu phải tự bổ sung và chào giá cho các hạng mục công việc mà nhà thầu phát hiện chưa bao gồm trong bảng kê hạng mục công việc nhưng cần thiết để hoàn thành công việc theo thiết kế. Trường hợp nhà thầu không bổ sung các hạng mục công việc thiếu so với thiết kế, nhà thầu được coi là đã phân bổ giá của các hạng mục công việc này vào các hạng mục công việc khác của gói thầu. Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành công việc theo thiết kế và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật với giá đã chào. Trường hợp phát hiện bảng kê hạng mục công việc thừa so với thiết kế, nhà thầu loại hạng mục thừa ra khỏi bảng tổng hợp giá dự thầu.

(3) Nhà thầu có trách nhiệm phân bổ chi phí dự phòng (nếu có) vào giá dự thầu. Nhà thầu không được chào riêng chi phí dự phòng. Trường hợp nhà thầu chào riêng chi phí dự phòng thì được coi là chào thừa và sẽ bị hiệu chỉnh sai lệch*.*

(4) Khi thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoàn thành toàn bộ gói thầu theo đúng hồ sơ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật thì tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng đúng giá ghi trong hợp đồng.

**Mẫu số 11B (Webform trên Hệ thống)**

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU**

**(Áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả công việc mời thầu** | **Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính** | **Khối lượng mời thầu** | **Đơn vị tính** | **Đơn giá dự thầu** | **Thành tiền** |
| (Cột 4 x 6) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **I** | **Các hạng mục** |  |  |  |  | **A=A1+A2+…** |
| ***I.1*** | ***Hạng mục 1*** | **A1** |
| *1* | *…* |  |  |  |  |  |
| *2* | *…* |  |  |  |  |  |
| ***I.2*** | ***Hạng mục 2*** | **A2** |
| *1* | *…* |  |  |  |  |  |
| *2* | *…* |  |  |  |  |  |
| *..* | *…* |  |  |  |  | **…** |
| **II** | ***Chi phí dự phòng*** |  |  |  |  |  |
| *1* | *Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh(\*)* |  | b1% |  |  | ***B1 = b1% x A*** |
| *2* | *Chi phí công nhật* |  |  |  |  | ***Y1*** |
| *3* | *Chi phí cho các khoản tạm tính khác* |  |  |  |  | ***Y2*** |
| **Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))** | **A+B1+Y1+Y2** |

*Ghi chú:*

*(6): nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.*

*(7) Hệ thống tự động tính.*

*(\*): được trích xuất từ bảng mời thầu của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.*

**Mẫu số 11C (Webform trên Hệ thống)**

|  |
| --- |
| **BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU****(Áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)** |
| **STT** | **Mô tả công việc mời thầu** | **Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính** | **Khối lượng mời thầu** | **Đơn vị tính** | **Đơn giá dự thầu** | **Thành tiền** |
| (Cột 4 x 6) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **I** | **Các hạng mục** |  |  |  |  | **A=A1+A2+…** |
| ***I.1*** | ***Hạng mục 1*** | **A1** |
| *1* | *…* |  |  |  |  |  |
| *2* | *…* |  |  |  |  |  |
| ***I.2*** | ***Hạng mục 2*** | **A2** |
| *1* | *…* |  |  |  |  |  |
| *2* | *…* |  |  |  |  |  |
| *..* | *…* |  |  |  |  | **…** |
| **II** | ***Chi phí dự phòng (\*)*** |  |  |   |  |  |
| *1* | *Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá* |  | *b2%* |  |  | ***B2 = b2% x A*** |
| *2* | *Chi phí công nhật* |  |  |  |  | ***Y1*** |
| *3* | *Chi phí cho các khoản tạm tính khác* |  |  |  |  | ***Y2*** |
| **Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))** | **A+B1+Y1+Y2** |

*Ghi chú:*

*(6) nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục.*

 *(7) Hệ thống tự động tính. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.*

*(\*) được trích xuất từ bảng mời thầu của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.*

**Mẫu số 11D (Webform trên Hệ thống)**

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU**

**(Áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)**

**I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói(1)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả công việc (2)** | **Đơn vị tính** | **Giá theo các** **hạng mục (3)** |
| 1 | Hạng mục công việc 1 |  |  |
| 2 | Hạng mục công việc 2 |  |  |
| .. |  |  |  |
| Tổng cộng: [*Hệ thống tự tính]* | X1 |

Ghi chú:

(1) Giá dự thầu của các hạng mục này được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong các hạng mục này khác so với các hạng mục ở bảng kê hạng mục công việc (đối với các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói) nêu trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành theo thiết kế). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Giá dự thầu cho các hạng mục này là tổng giá trị của các hạng mục ghi trong cột “Mô tả công việc”. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng (nếu có). Nhà thầu phải tính toán các chi phí nêu trên và phân bổ vào trong giá các hạng mục.

(2) Nhà thầu có trách nhiệm rà soát lại bảng kê hạng mục công việc (đối với các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói) nêu trong E-HSMT. Nhà thầu phải tự bổ sung và chào giá cho các hạng mục công việc mà nhà thầu phát hiện chưa bao gồm trong bảng kê hạng mục công việc (đối với các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói) nhưng cần thiết để hoàn thành công việc theo thiết kế. Trường hợp nhà thầu không bổ sung các hạng mục công việc thiếu so với thiết kế, nhà thầu được coi là đã phân bổ giá của các hạng mục công việc này vào các hạng mục công việc khác của gói thầu. Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành công việc theo thiết kế và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật với giá đã chào. Trường hợp phát hiện bảng kê hạng mục công việc thừa so với thiết kế, nhà thầu loại hạng mục thừa ra khỏi bảng tổng hợp giá dự thầu.

(3) Nhà thầu có trách nhiệm phân bổ chi phí dự phòng (nếu có) vào giá của các hạng mục. Nhà thầu không được chào riêng chi phí dự phòng. Trường hợp nhà thầu chào riêng chi phí dự phòng thì được coi là chào thừa và sẽ bị hiệu chỉnh sai lệch*.*

(4) Khi thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoàn thành toàn bộ các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói theo đúng hồ sơ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật thì tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng đúng giá của các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói ghi trong hợp đồng.

**II. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả công việc mời thầu** | **Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính** | **Khối lượng mời thầu** | **Đơn vị tính** | **Đơn giá dự thầu** | **Thành tiền** |
| (Cột 4 x 6) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **I** | **Các hạng mục** |  |  |  |  | **A=A1+A2+…** |
| ***I.1*** | ***Hạng mục 1*** | **A1** |
| *1* | *…* |  |  |  |  |  |
| *2* | *…* |  |  |  |  |  |
| ***I.2*** | ***Hạng mục 2*** | **A2** |
| *1* | *…* |  |  |  |  |  |
| *2* | *…* |  |  |  |  |  |
| *..* | *…* |  |  |  |  | **…** |
| **II** | ***Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh(\*)*** |  | b1% |  |  | ***B1 = b1% x A*** |
| **Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))** | **X2=A+B1** |

*Ghi chú:*

*(6): nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.*

*(\*): được trích xuất từ bảng mời thầu của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.*

*(7) Hệ thống tự động tính.*

**III. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả công việc mời thầu** | **Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính** | **Khối lượng mời thầu** | **Đơn vị tính** | **Đơn giá dự thầu** | **Thành tiền** |
| (Cột 4 x 6) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **I** | **Các hạng mục** |  |  |  |  | **A=A1+A2+…** |
| ***I.1*** | ***Hạng mục 1*** | **A1** |
| *1* | *…* |  |  |  |  |  |
| *2* | *…* |  |  |  |  |  |
| ***I.2*** | ***Hạng mục 2*** | **A2** |
| *1* | *…* |  |  |  |  |  |
| *2* | *…* |  |  |  |  |  |
| *..* | *…* |  |  |  |  | **…** |
| **II** | ***Chi phí dự phòng (\*)*** |  |  |   |  |  |
| 1 | ***Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá*** |  | b2% |  |  | ***B2 = b2% x A*** |
| **Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))** | **X3=A+B2** |

*Ghi chú:*

*(6) nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục.*

*(\*): được trích xuất từ bảng mời thầu của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.*

*(7) Hệ thống tự động tính. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.*

**IV. Tổng hợp giá dự thầu**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Các hạng mục** | **Thành tiền** |
| I | Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói | X1 |
| II | Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định | X2 |
| III | Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh | X3 |
| IV | Chi phí công nhật | Y1 |
| V | Chi phí cho các khoản tạm tính | Y2 |
|  | Tổng cộng (Trích xuất ra giá dự thầu) | X=X1+X2+X3+Y1+Y2 |